

Chuyên ngành văn hoá Việt Nam

VĂN HOÁ NÔNG THÔN VIỆT NAM

(Vietnamese Rural Culture)

CHƯƠNG I VÀ II

GIẢNG VIÊN: TRẦN LONG

GIẢNG VIÊN: TS. TRẦN LONG
CƠ QUAN: TRƯỜNG ĐHKHXH&VH TP.HCM
EMAIL: trlong60@gmail
TEL. 08 38986684 MOBIL: 0918 292053

NGHIÊN CỨU: VĂN HOÁ & NGÔN NGỮ
CHUYÊN GIẢNG: TIẾNG VIỆT & VĂN HOÁ VIỆT NAM

MÔN GIẢNG: MỸ HỌC, VĂN HOÁ DÂN GIAN, VĂN HOÁ NÔNG THÔN, TRIẾT LÝ ÂM DƯƠNG, CƠ SỞ VĂN HOÁ VIỆT NAM, LÝ THUYẾT VĂN BẢN, DẪN LUẬN NGÔN NGỮ HỌC, TIẾNG VIỆT THỰC HÀNH

Chương I: Các vấn đề chung

1.1. Các khái niệm

1.1.1. Nông thôn và văn hoá nông thôn Việt Nam

1.1.2. Làng xã và văn hoá làng xã

1.1.3. Tập tục, phong tục và tập quán

1.1. Các khái niệm

1.1.1. Nông thôn và văn hoá nông thôn Việt Nam

Nông thôn là vùng đất đai rộng lớn của một quốc gia trong đó đời sống sinh hoạt và sản xuất của người dân còn mang dấu ấn rõ rệt của phương thức sản xuất nông nghiệp.

Văn hoá nông thôn là tất cả sản phẩm vật thể và phi vật thể có giá trị do người dân sống ở nông thôn sáng tạo, gìn giữ qua nhiều thế hệ.

1.1.2. Làng xã và văn hoá làng xã

“Làng là khối dân cư ở nông thôn làm thành một đơn vị có đời sống riêng về nhiều mặt, là đơn vị hành chính thấp nhất thời phong kiến”.

Văn hoá làng xã là một hình thức khu biệt của văn hoá nông thôn, trong đó bao gồm những nét chung của văn hoá nông thôn và những nét riêng của văn hoá mỗi làng xã.

1.1.3. Tập tục, phong tục và tập quán

- Tập tục chỉ chung các hiện tượng thuộc về phong tục và tập quán. Giữa phong tục và tập quán có những khác biệt về ngữ nghĩa.
- *Phong tục* là những quy ước chung về các nguyên tắc ứng xử được cả cộng đồng chấp nhận và trở thành ý thức tự giác của mọi người.

Phong tục tìm thấy trong các quan hệ xã hội, cách tổ chức lễ lạt, cách mưu sinh; cả thái độ giữa con người với tự nhiên (hoặc các thế lực thần linh đại diện cho sức mạnh tự nhiên). Phong tục có khi được giới hạn trong phạm vi làng xã nhưng cũng có khi vượt ra xa, lan rộng trong một vùng miền rộng lớn.

- *Tập quán* là những hình thức sinh hoạt đã trở thành thói quen trong đời sống cộng đồng. Tập quán có quan hệ chặt chẽ với phong tục. Những tập quán thường ngày thể hiện phong tục của một cộng đồng nhất định.

1.2. Kinh tế nông nghiệp Việt Nam

1.2.1. Thời kì trước 1010

1.2.2. Thời kì từ 1010 – 1945 (phong kiến_

1.2.3. Thời kì từ 1945 – ngy

1.2.1. Thời kì trước 1010

-Nông nghiệp sơ khai, dùng công cụ thô sơ, sức người kết hợp sức động vật. Quy mô hẹp.

1.2.2. Thời kì 1010 - 1945

-Nông nghiệp chuyên canh cây lúa nước dùng công cụ thủ công và sức động vật. Quy mô lưu vực sông Hồng. Hệ thống đê vững chắc.

1.2.3. Thời kì 1945 - nay

-Nông nghiệp chuyên canh cây lúa nước dùng máy móc và kĩ thuật công nghệ tiên tiến, gắn với công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp,

1.3. Các nhân tố cấu thành nông thôn Việt Nam

4 nhân tố cơ bản

1.3.1. Điều kiện địa lý,

1.3.2. Phương thức mưu sinh,

1.3.3. Hình thức cư trú,

1.3.4. Quan hệ sản xuất

1.3.1. Địa lý tự nhiên đặc trưng khí hậu, địa hình Đông Nam Á

-> Nhiều sông ngòi, ao hồ. Hầu hết các con sông ở Việt Nam chảy xuôi về biển Đông và tạo thành những vùng châu thổ có diện tích rộng hẹp khác nhau. Ở miền Bắc, sông Hồng và sông Đà hợp lưu hình thành vùng châu thổ khá rộng. Ở miền Trung, các con sông đều ngắn, vì vậy các vùng châu thổ nhỏ hẹp.

-> Hội đủ các điều kiện sinh trưởng cây lúa nước: nước ngọt, nắng nóng, đất bùn.

1.3.2. Phương thức mưu sinh: nông nghiệp lúa nước -> phụ thuộc môi trường tự nhiên

Dựa vào điều kiện tự nhiên này, khi tìm ra và thuần dưỡng được cây lúa, cư dân nơi đây đã chọn cách sống bằng nghề trồng lúa nước.

Mặt khác, khí hậu nhiệt đới tạo điều kiện thuận lợi cho thực vật phát triển, vì vậy, ở những vùng đất cao hoặc ven các vùng châu thổ, các loại cây nông nghiệp cũng phát triển rất mạnh. Do đặc điểm này, đất nông nghiệp ở Việt Nam chiếm một tỉ lệ rất lớn.

- Vào thời dựng nước, rừng lan khắp vùng trung du và cả một phần lớn đồng bằng.
- Nhiều vùng gò đồi trọc hiện nay xưa kia là rừng phủ dày đặc.
- Ngay tại đồng bằng còn giữ được nhiều di tích của rừng: mỏ than bùn thấy ở nhiều nơi như Thạch Thất (Hà Tây), Lỗ Khê (ngoại thành Hà Nội); rừng gỗ tứ thiết ở Sặt (Tráng Liệt, Bắc Giang), rừng Báng (Đình Bảng, Bắc Ninh), đồi Lim, làng Lim, phà Rừng...
- Trong các di tích khảo cổ ở đồng bằng, đã tìm thấy xương cốt nhiều loại thú rừng.

Cây lúa nước

- Nguồn gốc và quá trình thuần dưỡng cây lúa nước
- Địa bàn phân bố cây lúa nước
- Vị trí cây lúa nước trong nông nghiệp Việt Nam

CÁC TRUNG TÂM VĂN MINH NÔNG NGHIỆP



Khu vực xuất phát cây lúa nước





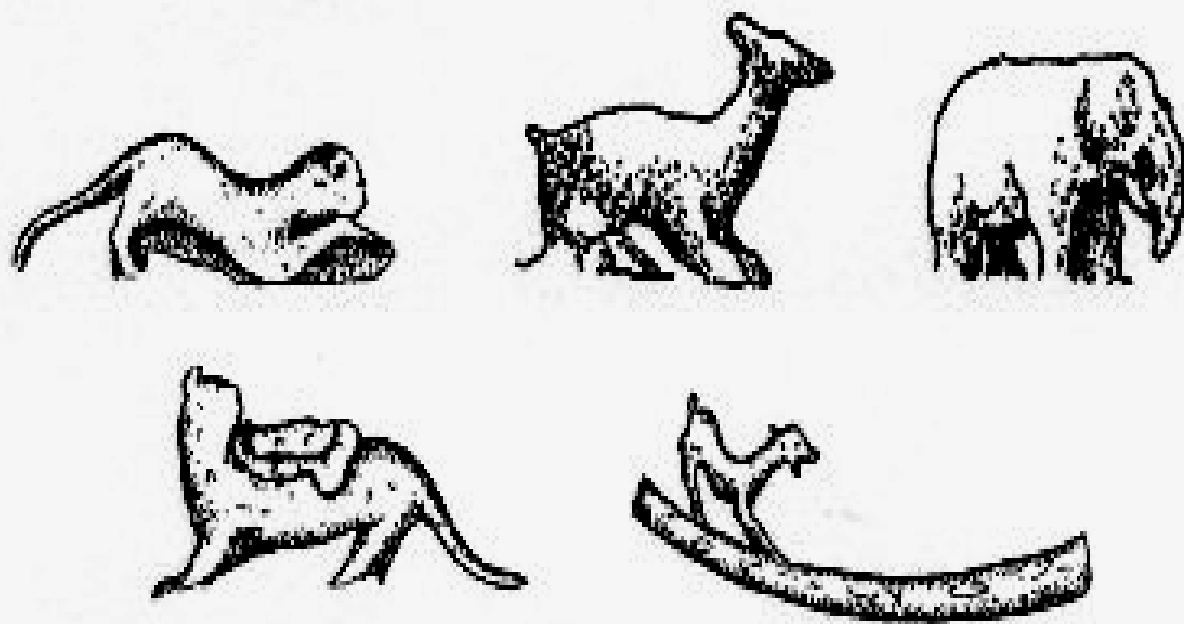
**RÌU MÀI – HANG THẨM VÀI,
TUYÊN QUANG
KHOẢNG 4.000 NĂM BC**

**SƠ KỲ ĐỒ ĐỒNG – PHÙNG
NGUYÊN
KHOẢNG 4.000 NĂM BC**



**GIAI ĐOẠN ĐỒNG ĐẬU, GÒ
MUN
KHOẢNG 3.500 – 3.000 BC**

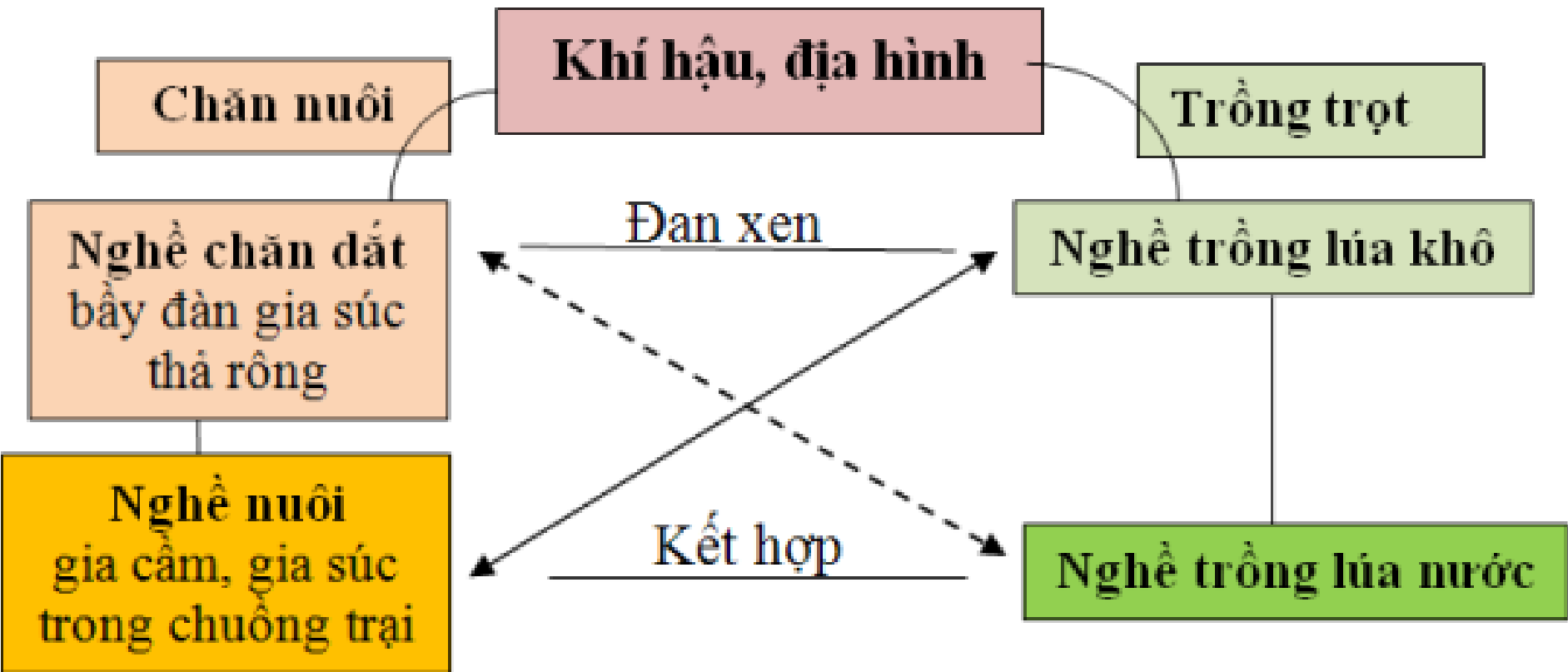
Động vật thời Đông Sơn



Tượng báo, nai, voi, hổ và chó trang-trí
trên các dụng-cụ đời Đông-sơn.



Tượng gà trống và tượng vịt.



* Ghi chú:
 $\longleftrightarrow$ kết hợp được
 $\dashrightarrow$ không kết hợp được

Quan hệ giữa du mục và nông nghiệp

1.3.3. Hình thức cư trú

- Nghề trồng lúa buộc cư dân trồng lúa phải sống định cư.**
- Chu kì sinh trưởng cây lúa nước (+ ảnh hưởng tiêu cực của tự nhiên) -> người nông dân phải dựa vào nhau => sống co cụm thành bản, làng**

Ở những vùng cao, dù trồng lúa ở nương rẫy hay ở các thung lũng, người dân cũng phải tìm chỗ ở ổn định. Do đất ở miền cao nhanh bạc màu nên đa số cư dân nơi đây phải thực hiện luân canh để đất có thời gian phục hồi dưỡng chất.

Chính vì vậy mà phạm vi canh tác của đồng bào miền cao thường rất rộng và có những ngôi nhà sàn được cất gần khu canh tác nhằm mục đích phục vụ sản xuất. Đó không phải là những ngôi nhà để ở theo lối du canh du cư.

Ở các vùng châu thổ Bắc Bộ, Trung Bộ, Nam Bộ, dù địa hình và chế độ thủy văn khác nhau nhưng cư dân đều tổ chức đời sống theo lối định cư để trồng lúa nước. Làng xã thường được dựng dọc theo bờ sông hoặc bờ đê. Những chỗ “giao thủy” (còn gọi là chỗ “giáp nước”) được lựa chọn để đặt các trung tâm cư trú.

Nhìn chung, nghề trồng lúa nước đã buộc người nông dân Việt Nam bám chặt vào các con sông, con suối, hồ nước để sinh tồn.

1.3.4. Quan hệ huyết thống

- Quan hệ sản xuất chi phối quan hệ xã hội nguyên thủy và xã hội nông nghiệp sơ khai: chế độ mẫu quyền, huyết thống mẫu hệ**
- Sự chuyển đổi từ mẫu hệ -> phụ hệ**
- Quan hệ huyết thống phụ hệ và duy trì hình thức song quyền ở Việt nam cho đến nay.**

1.4. Định hướng nghiên cứu văn hoá nông thôn

- nghiên cứu văn hoá nông thôn phải gắn với nghiên cứu văn hoá làng xã**
- nghiên cứu văn hoá nông thôn là nghiên cứu những thiết chế văn hoá ở làng xã, những giá trị truyền thống và hiện đại được thể hiện thông qua hệ thống biểu tượng như: đình làng, cổng làng, chùa làng, nhà thờ họ ...**
- nghiên cứu văn hoá nông thôn còn phải chú ý những sản phẩm văn hoá nghệ thuật;**
- nghiên cứu văn hoá nông thôn để chỉ ra bản sắc của nó trong sự đối sánh với văn hoá đô thị.**

1.5. Đối tượng, mục đích nghiên cứu VH nông thôn

- Nghiên cứu những giá trị vật chất và tinh thần phổ biến ở nông thôn (gắn với giá trị văn hoá làng xã, là văn hoá của những đơn vị cụ thể, tồn tại những giá trị riêng của từng đơn vị đồng thời cũng có sự hiện diện những giá trị chung của một vùng nông thôn hoặc của cả dân tộc.**
- Làm rõ bản chất văn hoá nông thôn chúng ta phải nghiên cứu văn hoá làng xã trên các khía cạnh cơ bản như: ý thức cộng đồng, ý thức tự quản, nếp sinh hoạt có tính đặc thù của mỗi làng.**

1.6. Phương pháp nghiên cứu văn hoá nông thôn

- Phân tích - tổng hợp,**
- Khảo sát điền dã – thực nghiệm**
- Điều tra xã hội học**

Chương II: Phân vùng và tổ chức nông thôn Việt Nam

2.1. Phân vùng nông thôn Việt Nam

2.2. Tổ chức nông thôn Việt Nam

2.1. Phân vùng nông thôn Việt Nam

2.1.1. Phân vùng nông thôn theo địa lý

- + Phân vùng nông thôn theo trục Đông Tây**
- + Phân vùng nông thôn theo trục Bắc Nam**

2.1.2. Phân vùng nông thôn theo kinh tế (vật nuôi, cây trồng, sản phẩm thủ công)

2.1.1. Phân vùng nông thôn theo địa lý

+ Phân vùng ... theo trục Đông Tây

- Nông thôn miền núi: kinh tế chiếm đoạt tự nhiên -> kinh tế ...**
 - Nông thôn châu thổ: kinh tế cá thể (tiểu nông), hợp tác ...**
 - Nông thôn ven biển: kinh tế cá thể hợp tác ...**
- * Tiêu chí khảo sát: Địa hình, kinh tế, nghề phụ, quan hệ huyết thống, cơ chế quản lí**

Khởi phát, các vùng nông thôn Việt Nam đều trồng những loại cây nông nghiệp. Cây trồng vốn là những giống thực vật được chọn lọc thuần dưỡng, trở thành cây lương thực và cây dùng làm thực phẩm. Cây lúa nước được đặc biệt chú ý và trở thành cây lương thực chính. Các loại khác như bí, bầu, rau, dưa... cũng được chọn lựa để làm thực phẩm. Vật nuôi chủ yếu là gia cầm và được nuôi trong phạm vi gia đình. Nhà nhà đều nuôi gia súc để lấy sức kéo chứ không nhằm vào lấy thịt. Nghề thủ công dần được hình thành để đáp ứng nhu cầu sinh hoạt thường ngày. Đó là nghề gốm, nghề mây tre, nghề mộc, nghề rèn ... Các nguyên liệu phục vụ nghề thủ công như: đay, gai, mây, tre, cọ, gỗ ... chủ yếu lấy ở rừng hoặc ngay trong khu vực địa phương.

Từ khi tư bản phương Tây thâm nhập vào Việt Nam, người ta đã chọn những vùng có thổ nhưỡng phù hợp cây công nghiệp để xây dựng đồn điền, tạo ra những vùng nông thôn rộng lớn trồng cây công nghiệp. Về sau, các nghề nuôi trồng thủy sản cũng phát triển tạo ra diện mạo mới cho nông thôn Việt Nam. Hiện nay người ta có thể lập bản đồ về vật nuôi cây trồng ở Việt Nam. Nghề nuôi thủy sản được phân bố ở hầu hết hạ lưu các con sông khắp cả nước. Một số nơi tập trung nuôi thủy sản theo quy mô lớn như ở lưu vực sông La Ngà, sông Tiền, sông Hậu.... Nghề nuôi dê, cừu phân bố ở ven các vùng núi đồi thuộc khu vực Nam Định, Ninh Thuận, Bình Thuận... Cây công nghiệp phân bố chủ yếu ở vùng Thái Nguyên, Tây Nguyên, Đồng Nai, Tây Ninh, Bình Phước.

Nông thôn miền núi: vùng núi Bắc Bộ và Tây Nguyên, được xác định dựa trên các yếu tố: địa bàn rừng núi và vùng đồi, quan hệ huyết thống mẫu hệ, kinh tế săn bắt hái lượm và nông nghiệp sơ khai, cơ chế quản lý già làng trưởng bản.

- Nông thôn châu thổ: các vùng hạ lưu của sông, được xác định dựa trên các yếu tố: địa bàn châu thổ các con sông, quan hệ huyết thống phụ hệ, kinh tế nông nghiệp lúa nước, nghề thủ công, cơ chế quản lý dân chủ làng xã.

- Nông thôn ven biển: vùng dọc ven biển, được xác định trên các yếu tố: địa bàn ven biển, quan hệ huyết thống phụ hệ, kinh tế ngư nghiệp, ngư nghiệp kết hợp nông nghiệp và thủ công, cơ chế quản lý dân chủ làng nghề.

+ *Phân vùng ... theo trục Bắc Nam*

- *Nông thôn Bắc Bộ***
- *Nông thôn Trung Bộ***
- *Nông thôn Nam Bộ***

Nông thôn Bắc Bộ

- **Địa hình: vùng núi cao, châu thổ**
- **Bối cảnh hình thành: Gắn với quá trình khai hoang, dựng làng, chống đồng hoá và chống xâm lược**
- **Tổ chức cư trú: làng khép kín ...**
- **Liên kết giữa các làng khắng khít**
- **Kinh tế: tiểu nông**
- **Huyết thống phụ hệ**



Nông thôn Trung Bộ

- **Địa hình: châu thổ dài, hẹp**
- **Bối cảnh hình thành: Gắn quá trình mở cõi, tiếp biến VH Sa Huỳnh, VH Chăm**
- **Tổ chức cư trú: làng sao phỏng mô hình làng truyền thống, giảm tính khép kín.**
- **Kinh tế: tiểu nông**
- **Huyết thống phụ hệ**
- **Làng biển ít ổn định địa bàn, nghề cá + ...**

Gulf of Thailand

Ngao Linn
2598 m
(8524 ft)

INDONESIA





Nông thôn Nam Bộ

- Địa hình: châu thổ có địa hình phức tạp : miệt vườn, đồng trũng, đồng phù sa, miệt núi, miệt giồng, ven biển
- Bối cảnh hình thành: Gắn quá trình khai khẩn đất Nam Bộ, tiếp biến VH Hoa, Khmer, Chăm...
- Tổ chức cư trú: làng có tính mở về cư trú
- Kinh tế: tiểu nông, tư bản tư nhân
- Huyết thống phụ hệ (Việt, Hoa), mẫu hệ (Mạ, ..)

Phnom Aural
1813 m
(5948 ft)

AN NAM
HIGHLAND

PHÚ QUỐC

Gulf of
Thailand

Mekong



2.1.2. Phân vùng nông thôn theo kinh tế (vật nuôi, cây trồng)

- Vùng trồng cây nông nghiệp (cây ăn trái, cây lúa)**
- Vùng trồng cây công nghiệp (cao su, chè, cà phê, điều, tiêu, mía, bông vải)**
- Vùng nuôi bò, dê, cừu**
- Vùng nuôi tôm, cá lồng bè**
- Vùng chuyên đánh bắt hải sản**



Đồi chè trung du Bắc Bộ



Chè trên cao nguyên Di Linh, Lâm Đồng

2.2. Mô hình quản lí và sản xuất

2.2.1. Mô hình quản lí:

Làng xã là đơn vị hành chính

2.2.2. Mô hình sinh hoạt tập thể:

Phe, hội

2.2.1. Tổ chức quản lí và sản xuất

- Mô hình quản lí: làng xã**
- Mô hình sản xuất: làng thuần nông, làng bán thủ công, làng thủ công, làng bán thương nghiệp**
- Đơn vị nghề nghiệp đặc thù: Phường**

+ Mô hình quản lí

Làng xã là đơn vị quản lí hành chính

- Trong đơn vị làng xã, có thêm các tên gọi chỉ khu vực cư trú hẹp hơn như xóm, thôn (Bắc Bộ và Trung Bộ), ấp (Nam Bộ).**
- Ở vùng núi phía Bắc và Tây nguyên người ta dùng các từ như bản, bon, buôn để gọi nơi cư trú của đồng bào dân tộc thiểu số.**

+ Mô hình sản xuất :

***Làng nông nghiệp,
Làng bán thủ công,
Làng thủ công,
Làng bán thương nghiệp.***

Làng nông nghiệp



Cày bằng trâu



Bừa tay



Cây lúa



Cày bằng bò

Làng thủ công



Nghề dệt lụa





Vải lụa ngày nay



Dệt Mỹ Nghiệp, Ninh Thuận



Dệt xà rồng ở Châu Phong, An Giang



Hoa văn vải Chăm ở Châu Phong, An Giang



Hoa văn vải Chăm ở Châu Phong, An Giang



Xà rồng bày bán ở Châu Phong, An Giang

Nghề đan mây tre





Nghề đan cói



Nghề gốm sứ



**Gốm. Xã Thái Tân, Huyện
Nam Sách, Hải Dương**



**Gốm. Huyện Kim Bảng, Tỉnh Hà
Nam**



Chát củi nung gốm ở Châu Lăng, An Giang



Gốm Châu Lãng (An Giang)



Làm cà ràng ở Châu Lăng



Gốm Bàu Trúc, Ninh Thuận



Gốm. Huyện Thuận An, Thị xã Thủ Dầu Một, Bình Dương



Gốm sứ Đồng Nai



Gốm. TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai



Gốm. Huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

Nghề thêu









Tranh ghép gỗ Tây Nguyên

Làng bán thương nghiệp

+ Đơn vị nghề nghiệp đặc thù:

Phường: Tổ chức của những người cùng nghề nghiệp, thành lập nhằm mục đích kinh tế. Các loại phường: phường cấy, phường hái, phường vải, phường chài, phường nón, phường , chèo...

2.2.2. Mô hình sinh hoạt tập thể: phe, hội

Phe: Phe (hay phái, cánh, đảng, bè, phe phái, phe cánh, phe đảng, bè đảng)

Hội: Tổ chức của những người tự nguyện thành lập nhằm mục đích tinh thần như: vui chơi, giải trí, làm từ thiện, ...